

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI  
CƠ PHẦN ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ  
NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM

Số: 131 /QLQ-PTKD

V/v: Thông báo sửa đổi Bản cáo bạch Quý PBI.F.

THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI BẢN CÁO BẠCH QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam (PVCB Capital) báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM (PBIF) theo thông tin chi tiết như sau:

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
Mục 1 Phần I. Những người chịu trách nhiệm về nội dung bản cáo bạch này	Người đại diện: Ông Nguyễn Việt Hà: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam (PVCB Capital)	Người đại diện: Ông Ngô Ngọc Quang: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chứng Việt Nam (PVCB Capital)	Cập nhật thay đổi thông tin Chủ tịch HĐQT Công ty quản lý quỹ
Mục 1 và Mục 2 Phần III. Cơ hội đầu tư	Tình hình kinh tế Việt Nam và Thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2024	Tình hình kinh tế Việt Nam và Thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2025	Cập nhật tình hình kinh tế và thị trường năm 2025
Mục 1 Phần IV. Thông tin chung	- Tổng tài sản quản lý của PVCB Capital hiện lên đến hơn 7.000 tỷ đồng.	- Tổng tài sản quản lý của PVCB Capital hiện lên đến hơn 3.000 tỷ đồng.	Cập nhật tổng tài sản quản lý của

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2026

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
<p><b>về Công ty quản lý quỹ</b></p>	<p>- PVcomBank có tổng tài sản đạt hơn 200.000 tỷ đồng, vốn điều lệ 9.000 tỷ đồng, trong đó cổ đông lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt nam (chiếm 52%) và cổ đông chiến lược Morgan Stanley (chiếm 6.7%). Với mạng lưới 110 điểm giao dịch tại các tỉnh thành trọng điểm trên toàn quốc; nguồn nhân lực chất lượng cao và bề dày kinh nghiệm trong cung cấp các dịch vụ cho các doanh nghiệp trong ngành Dầu khí, năng lượng, hạ tầng; PVcomBank cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của khách hàng tổ chức và cá nhân.</p>	<p>- PVcomBank có tổng tài sản đạt hơn 246.000 tỷ đồng, vốn điều lệ 9.000 tỷ đồng, trong đó cổ đông lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt nam (chiếm 52%) và cổ đông chiến lược Morgan Stanley (chiếm 6.7%). Với mạng lưới 109 điểm giao dịch tại các tỉnh thành trọng điểm trên toàn quốc; nguồn nhân lực chất lượng cao và bề dày kinh nghiệm trong cung cấp các dịch vụ cho các doanh nghiệp trong ngành Dầu khí, năng lượng, hạ tầng; PVcomBank cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của khách hàng tổ chức và cá nhân.</p>	<p>PVCB Capital và PVcomBank tỉnh tới hiện tại.</p>
<p><b>Mục 3 Phần IV. Thông tin chung về Công ty quản lý quỹ</b></p>	<p>Đội ngũ quản lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Việt Hà - Chủ tịch HĐQT: Ông Hà đã có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Trước khi đảm nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc thường trực -Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính - PVcomBank, ông là Giám đốc Ban Dầu tư và Tư vấn tài chính PVFC. Ông cũng đã từng trải qua các vị trí công tác sau: Tổng Giám đốc Indochina Capital; Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Mekong. Từ năm 2016, ông được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị PVCB Capital. <p>Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Dầu tư tài chính - Trường Đại học Miami Hoa Kỳ</p> </li></ul>	<p>Đội ngũ quản lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngô Ngọc Quang - Chủ tịch HĐQT: Ông Quang đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Trước khi đảm nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị - PVcomBank, ông là Phó tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Tây. Ông cũng đã từng trải qua các vị trí công tác sau: Phó giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh – Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (PVFC); Phó tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Tây; Phó tổng giám đốc – Giám đốc Khối KHDN lớn PVcomBank. Từ tháng 01/2026, ông được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị PVCB Capital.</li> </ul>	<p>Cập nhật thay đổi thông tin về chủ tịch HĐQT của Công ty quản lý quỹ</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
<p>Phần VII. Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ và Điều 2.1 Mục 2 Phần X. Phát hành lần đầu và giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo và Mục 2 Phần XIV. Địa chỉ liên lạc giải</p>	<p>- Trần Quang Vinh - Giám đốc công ty: Ông Trần Quang Vinh đã có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính. Ông Vinh bắt đầu làm việc cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt nam từ năm 2001, khi phụ trách mảng tư vấn cổ phần hóa và đầu tư cho các doanh nghiệp. Từ tháng 10/2018 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc PVCB Capital. Dưới sự dẫn dắt của Ông, PVCB Capital đang quản lý thành công các quỹ đầu tư và danh mục đầu tư với quy mô hơn 7.000 tỷ đồng.</p> <p>Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Đại học Griggs, Hoa Kỳ.</p>	<p>Trình độ chuyên môn:</p> <p>Cử nhân Tài chính Tín dụng – Học viện tài chính Trần Quang Vinh - Giám đốc công ty: Ông Trần Quang Vinh đã có hơn 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính. Ông Vinh bắt đầu làm việc cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt nam từ năm 2001, khi phụ trách mảng tư vấn cổ phần hóa và đầu tư cho các doanh nghiệp. Từ tháng 10/2018 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc PVCB Capital. Dưới sự dẫn dắt của Ông, PVCB Capital đang quản lý thành công các quỹ đầu tư và danh mục đầu tư với quy mô hơn 3.000 tỷ đồng.</p> <p>Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Đại học Griggs, Hoa Kỳ.</p>	<p>Cập nhật tên mới của Đại lý phân phối</p>
<p>Công ty Cổ phần Chứng khoán VINA</p>	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102122617 chứng nhận lần đầu ngày 29/12/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 10 ngày 06/07/2023</p> <p>- Giấy phép đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở: số 42/GCN-UBCK cấp ngày 24/08/2022</p> <p>- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Phòng 702, tầng 7, tòa nhà Capital Building, số 58 Phố Kim Mã, phường Ba Đình, Hà Nội</p> <p>- Điện thoại: (84-24) 6687 8966</p> <p>- Website: <a href="https://www.vnsc.vn/">https://www.vnsc.vn/</a></p>	<p>Công ty Cổ phần Chứng khoán FINHAY</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102122617 chứng nhận lần đầu ngày 29/12/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 11 ngày 12/01/2026</p> <p>- Giấy phép đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở: số 42/GCN-UBCK cấp ngày 24/08/2022</p> <p>- Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Phòng 702, tầng 7, tòa nhà Capital Building, số 58 Phố Kim Mã, phường Ba Đình, Hà Nội</p> <p>- Điện thoại: (84-24) 6687 8966</p> <p>- Website: <a href="https://www.vnsc.vn/">https://www.vnsc.vn/</a></p>	

<p><b>Nội dung sửa đổi</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch mới</b></p>	<p><b>Diễn giải</b></p>
<p><b>đáp thắc mắc cho các nhà đầu tư</b></p>	<p><b>Ban Đại Diện Quý:</b></p> <p><b>Ông Kiều Phương Khoan – Thành viên độc lập Ban đại diện quý, Chủ tịch Ban Đại diện quý</b></p> <p>Ông Khoan hiện là Phó giám đốc tại Công ty TNHH Dịch vụ - Đầu tư và Kinh doanh địa ốc Minh Bình.</p> <p>Ông Khoan có trình độ chuyên môn về pháp luật và hiện đang phụ trách công tác Pháp chế của công ty. Ông cũng có trình độ chuyên môn tài chính kế toán và quản trị kinh doanh. Ông đã từng tham gia hoạt động tài chính trong Ban dịch vụ tài chính – Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC). Từ tháng 6 năm 2021, ông được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ - Đầu tư và Kinh doanh địa ốc Minh Bình.</p>	<p><b>Ban Đại Diện Quý:</b></p> <p><b>Ông Kiều Phương Khoan – Thành viên độc lập Ban đại diện quý, Chủ tịch Ban Đại diện quý</b></p> <p>Ông Khoan hiện là Phó giám đốc tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô.</p> <p>Ông Khoan có trình độ chuyên môn về pháp luật, tài chính kế toán và quản trị kinh doanh. Ông đã từng tham gia hoạt động tài chính trong Ban dịch vụ tài chính – Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC). Từ tháng 12 năm 2025, ông được bổ nhiệm làm Phó giám đốc tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô.</p>	<p>Cập nhật thông tin Ban đại diện Quý.</p>
<p><b>Điều 1.5 Mục 1 Phần IX. Các thông tin về quỹ đầu tư trái phiếu pvcom</b></p>	<p>Ông Khoan có bằng tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội và các chứng chỉ Luật áp dụng trong ngành chứng khoán; Cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Ông có bằng tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán – Hà nội và Đại học Quốc gia Hà nội – Chương trình liên kết đào tạo Thạc sỹ.</p> <p><b>Ông Phạm Thiên Quang – Thành viên độc lập</b></p> <p>Ông Quang hiện là Giám đốc khối dịch vụ quản lý tài sản Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect.</p>	<p><b>Ban Đại Diện Quý:</b></p> <p><b>Ông Phạm Thiên Quang – Thành viên độc lập</b></p> <p>Ông Quang hiện là Giám đốc Tư vấn quản lý gia sản Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.</p>	

<p><b>Nội dung sửa đổi</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</b></p> <p>Ông Quang có gần 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư và quản lý đầu tư chứng khoán. Ông từng giữ vị trí chức Trưởng bộ phận Phân tích – Đầu tư của Công ty Cổ phần chứng khoán Quân Đội (MBS) và giám đốc Khu vực phía nam của Công ty TNHH tư vấn và đầu tư AFTC.</p> <p>Ông Quang có Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 001194 do UBCKNN cấp ngày 14/01/2015 và chứng chỉ CFA level 2.</p> <p>Ông tốt nghiệp Khoa Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại Thương và Khoa quan hệ quốc tế - Học viện Quan hệ quốc tế.</p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch mới</b></p> <p>Ông Quang có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư và quản lý đầu tư chứng khoán. Ông từng giữ vị trí chức Trưởng bộ phận Phân tích – Đầu tư của Công ty Cổ phần chứng khoán Quân Đội (MBS), giám đốc Khu vực phía nam của Công ty TNHH tư vấn và đầu tư AFTC, giám đốc khối dịch vụ quản lý tài sản Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect</p> <p>Ông Quang có Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 001194 do UBCKNN cấp ngày 14/01/2015 và chứng chỉ CFA level 2.</p> <p>Ông tốt nghiệp Khoa Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại Thương và Khoa quan hệ quốc tế - Học viện Quan hệ quốc tế.</p>	<p><b>Diễn giải</b></p>
<p><b>Điều 1.6 Mục 1 Phần IX. Các thông tin về quỹ đầu tư trái phiếu pvcsm</b></p>	<p><b>Người điều hành quỹ</b></p> <p><b>Bà Đinh Thị Kim Phương – Trưởng Ban Phát triển kinh doanh</b></p> <p>Bà Phương có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích, nghiên cứu tổng hợp và quản lý danh mục đầu tư. Từ năm 2009, Bà Phương gia nhập đội ngũ nhân sự của PVCB Capital với vị trí Chuyên viên Ban Phát triển Kinh doanh. Tại Ban Phát triển Kinh Doanh, bà được bổ nhiệm giữ vị trí Phó phòng nghiên cứu phát triển tổng hợp. Từ tháng 01/2021 – 9/2021, bà được bổ nhiệm giữ vị trí Phó Ban Đầu tư. Từ tháng 9/2021 – 11/2024, bà được bổ nhiệm giữ vị trí Trưởng Ban Đầu tư. Từ tháng 11/2024 đến nay bà được bổ nhiệm giữ vị trí Trưởng ban</p>	<p><b>Người điều hành quỹ</b></p> <p><b>Ông Lê Mạnh Cường – Chuyên viên Ban đầu tư</b></p> <p>Ông Cường có hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích, nghiên cứu tổng hợp và quản lý danh mục các đầu tư. Từ năm 2013, Ông Cường gia nhập đội ngũ nhân sự của PVCB Capital. Từ tháng 4 năm 2023, Ông Cường tham gia công tác tại Ban Đầu tư của PVCB Capital. Ông Cường có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư ủy thác với các Nhà Đầu Tư, bao gồm cả tổ chức và cá nhân.</p> <p>Ông Cường có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 0001891/QLQ do UBCKNN cấp ngày 12/05/2020.</p>	<p>Cập nhật thông tin Người điều hành Quỹ.</p>

<p><b>Nội dung sửa đổi</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</b></p> <p>Phát triển kinh doanh. Bà Phương có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý quỹ với Nhà Đầu Tư nước ngoài như Quỹ Thành viên Tập trung Cổ phần hóa (VEFF); Quỹ Đầu tư Giá trị Nemo – PVcom (NPMF); Quỹ Đầu tư Tăng trưởng xanh PV – Asong (PAGGF) và các nhà đầu tư trong nước như Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom (PVBFI); Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM (PBIF); quản lý danh mục đầu tư với Nhà Đầu Tư nước ngoài như danh mục VIP LLC và với Nhà Đầu Tư trong nước, bao gồm cả tổ chức và cá nhân.</p> <p>Bà Phương có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 000413/QLQ do UBCKNN cấp ngày 29/5/2024.</p> <p>Trình độ chuyên môn: Cử nhân - Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Trường Đại Học Kinh tế Quốc Dân/Viện Nghiên cứu xã hội quốc tế ISS, Hà Nội.</p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch mới</b></p> <p>Trình độ chuyên môn: Cử nhân - Đại học Kinh Tế Quốc Dân</p>	<p><b>Diễn giải</b></p>
<p><b>Khoản 2.2.2, Điều 2.2 Mục 2, Phần IX: Các thông tin về Quỹ Đầu tư Cân Bằng PVcom</b></p>	<p><i>Chiến lược đầu tư</i></p> <p>Để đảm bảo mục tiêu xuyên suốt của Quỹ là đảm bảo an toàn vốn nhưng vẫn đem lại lợi suất hấp dẫn cho Nhà Đầu Tư và tăng thanh khoản cho chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ xây dựng một danh mục kết hợp tối ưu và linh hoạt giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định trên cơ sở đánh giá rủi ro các công cụ nợ đa dạng với tỷ trọng phân bổ linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thị trường và nhận định của công ty quản lý quỹ trong từng thời điểm. Các tài sản đầu tư tập trung chủ yếu vào (1) các cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa lớn, thanh khoản cao trên thị</p>	<p><i>Chiến lược đầu tư</i></p> <p>Để đảm bảo mục tiêu xuyên suốt của Quỹ là đảm bảo an toàn vốn nhưng vẫn đem lại lợi suất hấp dẫn cho Nhà Đầu Tư và tăng thanh khoản cho chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ xây dựng một danh mục kết hợp tối ưu và linh hoạt giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định trên cơ sở đánh giá rủi ro các công cụ nợ đa dạng với tỷ trọng phân bổ linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thị trường và nhận định của công ty quản lý quỹ trong từng thời điểm. Các tài sản đầu tư tập trung chủ yếu vào các công cụ tiền tệ, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi</p>	<p>Cập nhật các quy định về đầu tư của quỹ theo quy định tại Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>trường chứng khoán, và (2) các công cụ tiền tệ, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành.</p>	<p>tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quy thực hiện đầu tư.</p>	
	<p>Khi điều kiện thị trường không thuận lợi, để đảm bảo an toàn vốn cho Nhà Đầu Tư, Quỹ có thể đầu tư tới 100% giá trị tài sản ròng của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn, tài sản tương đương tiền và các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro.</p>	<p>Khi điều kiện thị trường không thuận lợi, để đảm bảo an toàn vốn cho Nhà Đầu Tư, Quỹ có thể đầu tư tới 100% giá trị tài sản ròng của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn, tài sản tương đương tiền và các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro.</p>	
	<p>Khi thị trường cổ phiếu thuận lợi, Quỹ có thể đầu tư một phần của giá trị tài sản ròng của quỹ vào cổ phiếu niêm yết có vốn hóa lớn trên thị trường nhằm tìm kiếm lợi suất cao hơn cho Nhà Đầu Tư, nhưng vẫn phải đảm bảo các</p>	<p>Khi thị trường cổ phiếu thuận lợi, Quỹ có thể đầu tư một phần của giá trị tài sản ròng của quỹ vào cổ phiếu niêm yết có vốn hóa lớn trên thị trường nhằm tìm kiếm lợi suất cao hơn cho Nhà Đầu Tư, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch nhưng vẫn</p>	

<p><b>Nội dung sửa đổi</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</b></p> <p>hạn chế của luật chứng khoán liên quan và an toàn vốn cho Nhà Đầu Tư.</p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch mới</b></p> <p>phải đảm bảo các hạn chế của luật chứng khoán liên quan và an toàn vốn cho Nhà Đầu Tư.</p>	<p><b>Diễn giải</b></p>
<p><b>Khoản 2.2.3, Điều 2.2 Mục 2, Phần IX: Các thông tin về Quỹ Đầu tư Cân Bằng PVcom</b></p>	<p><i>Danh mục đầu tư của Quỹ</i></p> <p>Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;</li> <li>b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;</li> <li>c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</li> <li>d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</li> <li>e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại mục này phải đáp ứng các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số</li> </ul> </li> </ul>	<p><i>Danh mục đầu tư của Quỹ</i></p> <p>Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;</li> <li>b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan</li> <li>c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</li> <li>d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;</li> <li>đ) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong</li> </ul>	<p>Cập nhật thêm danh mục đầu tư của quỹ theo quy định tại Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.</li> </ul> <p>f) Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.</p>	<p>12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXXIX ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư; Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXXIX ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.</p> <p>Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Phụ lục XXXIX ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, công ty quản lý quỹ phải bán các trái phiếu</p>	

<p><b>Nội dung sửa đổi</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch mới</b></p> <p>đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống;</p> <p>e) Chúng khoán phải sinh nhật yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chúng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;</p> <p>g) Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chúng khoán mà quỹ đang nắm giữ;</p> <p>h) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.</p>	<p><b>Diễn giải</b></p>
<p><b>Khoản 2.2.4. Điều 2.2 Mục 2, Phần IX: Các thông tin về Quỹ Đầu tư Cân Bằng PVcom</b></p>	<p><i>Các hạn chế đầu tư của Quỹ</i></p> <p>Danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Khoản 2.2.1 và Khoản 2.2.2, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này.</p> <p>Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:</p> <p>a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 2.2.3 Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này;</p>	<p><i>Các hạn chế đầu tư của Quỹ</i></p> <p>Danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Khoản 2.2.1 và Khoản 2.2.2, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này.</p> <p>Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:</p> <p>a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ mở không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b Khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này.</p>	<p>Cập nhật các hạn chế đầu tư của quỹ theo quy định tại Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>c. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b, Khoản 2.2.3, Điều 2, Mục 2.2, Chương IX của Bản cáo bạch này của một tổ chức phát hành trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>d. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e Khoản 2.2.3, Điều 2, Mục 2.2, Chương IX của Bản cáo bạch này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.</p> <p>e. Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e, Khoản 2.2.3, Điều 2, Mục 2.2, Chương IX của Bản cáo bạch này;</p> <p>f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ. Trong đó, hạng mục</p>	<p>b. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b Khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>c. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>d. Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ, e và h Khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền.</p> <p>e. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm đ Khoản</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và f Khoản 2.2.3, Điều 2, Mục 2.2, Chương IX của Bản cáo bạch này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;</p> <p>g. Tại mọi thời điểm, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;</p> <p>h. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM;</p> <p>i. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</li> <li>- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</li> </ul>	<p>2.2.3 Mục này, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm đ Khoản 2.2.3 Mục này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm đ Khoản 2.2.3 Mục này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm đ Khoản 2.2.3 Mục này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;</p> <p>f. Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e, Khoản 2.2.3, Điều 2, Mục 2.2, Chương IX của Bản cáo bạch này;</p> <p>g. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, đ, g và h Khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</p> <p>j. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;</p> <p>k. Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;</p> <p>l. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a và b khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này mà được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.</p> <p>Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, j Khoản 2.2.4, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này, cơ cấu đầu tư của Quỹ Đầu tư Căn bằng PVCOM được phép sai lệch so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:</p> <p>a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;</p> <p>b. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư ;</p> <p>c. Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;</p>	<p>bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;</p> <p>h. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;</p> <p>i. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Căn bằng PVCOM;</p> <p>j. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:</p> <p>- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</p> <p>- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</p> <p>- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</p> <p>k. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;</p> <p>e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.</p> <p>Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư quy định tại Khoản 2.2.4 mục này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.</p> <p>Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.</p>	<p>l. Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm;</p> <p>m. Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;</p> <p>n. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a và b khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này mà được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.</p> <p>o. Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm đ, khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch phải đáp ứng điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;</li> <li>- Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;</li> <li>- Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;</li> <li>- Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc</li> </ul>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
		<p>tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;</p> <p>- Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.</p> <p>Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, công ty quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
		<p>hàng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.</p> <p>p. Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e, khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch phải đáp ứng điều kiện sau:</p> <p>Quỹ đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;</p> <p>Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ.</p> <p>Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.”</p> <p>Cơ cấu đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PV.com được phép sai lệch so với các hạn chế quy định tại điểm a, b, c,</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
		<p>d, đ, e và h khoản 2.2.4 nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;</li> <li>b. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư ;</li> <li>c. Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;</li> <li>d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;</li> <li>e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.</li> </ol> <p>Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư quy định tại Khoản 2.2.4 mục này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.</p> <p>Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có).</p>	

<p><b>Nội dung sửa đổi</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch mới</b></p> <p>Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.</p>	<p><b>Diễn giải</b></p>
<p><b>Mục 1 Phần X. Phát hành lần đầu và giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo</b></p>	<p><b>Căn cứ pháp lý</b></p> <p>Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu tư Căn bằng PVCOM và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản hợp nhất Luật Chứng khoán số 24/VBHN-VPQH ngày 26/02/2025 (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”);</li> <li>- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;</li> <li>- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;</li> <li>- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;</li> <li>- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;</li> <li>- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;</li> </ul>	<p><b>Căn cứ pháp lý</b></p> <p>Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu tư Căn bằng PVCOM và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản hợp nhất Luật Chứng khoán số 24/VBHN-VPQH ngày 26/02/2025 (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”);</li> <li>- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;</li> <li>- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025;</li> <li>- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025;</li> <li>- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn về</li> </ul>	<p>Cập nhật bổ sung các sửa đổi, bổ sung văn bản pháp lý</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;</li> <li>- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;</li> <li>- Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;</li> <li>- Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính;</li> <li>- Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam</li> <li>- Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán;</li> <li>- Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;</li> <li>- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025;</li> <li>- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;</li> <li>- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;</li> <li>- Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025;</li> <li>- Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025;</li> <li>- Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ</li> </ul>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
<p><b>Điều 3.1 và 3.2 Mục 3, Phần X: Phát hành lần đầu và giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;</li> <li>- Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán (hết hiệu lực vào ngày 30/06/2022);</li> <li>- Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán (hiệu lực từ 01/07/2022);</li> <li>- Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 20/2025/TT-BTC ngày 05/05/2025;</li> <li>- Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;</li> <li>- Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;</li> <li>- Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.</li> </ul>	<p>Sửa đổi thời điểm đóng số lệnh với các lệnh giao dịch nhận được sau thời điểm đóng số lệnh.</p> <p>Cập nhật tên và số tài khoản các Đại lý phân phối.</p>
<p><b>Điều 3.1 và 3.2 Mục 3, Phần X: Phát hành lần đầu và giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo</b></p>	<p><b>3.1. Các quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ</b></p> <p><i>c. Thời Điểm Đóng Số Lệnh</i></p> <p>Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Các lệnh giao dịch nhận được sau thời điểm đóng số lệnh sẽ bị hủy.</p> <p><i>i. Thông tin tài khoản nhận tiền mua chứng chỉ quỹ</i></p> <p>Nhà đầu tư đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ cần nộp tiền vào tài khoản của Quỹ với thông tin chi tiết như sau:</p>	<p><b>3.1. Các quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ</b></p> <p><i>c. Thời Điểm Đóng Số Lệnh</i></p> <p>Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Các lệnh giao dịch nhận được sau thời điểm đóng số lệnh sẽ được chuyển sang phiên giao dịch kế tiếp.</p> <p><i>i. Thông tin tài khoản nhận tiền mua chứng chỉ quỹ</i></p>	<p>Sửa đổi thời điểm đóng số lệnh với các lệnh giao dịch nhận được sau thời điểm đóng số lệnh.</p> <p>Cập nhật tên và số tài khoản các Đại lý phân phối.</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải															
	<p>- Tên tài khoản: QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM</p> <p>- Số tài khoản: theo danh sách tài khoản của từng Đại lý Phân phối được quy định bên dưới</p> <p>- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Thành</p> <p>- <b>Nội dung đổi với lệnh mua thường:</b> [Họ tên Nhà đầu tư] [Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở] Mua Quỹ PBIF</p> <p>- <b>Nội dung đổi với lệnh mua theo chương trình đầu tư định kỳ:</b> [Họ tên Nhà đầu tư] [Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở] Mua Quỹ PBIF002</p> <p>Nhà đầu tư đặt mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý Phân phối nào thì điền số tài khoản của Đại lý phân phối đó. Danh sách tài khoản của từng Đại lý Phân phối của Quỹ như sau:</p> <table border="1" data-bbox="183 419 502 1099"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Tên Đại lý Phân phối</th> <th>Số tài khoản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Công ty Cổ Phần Fincorp</td> <td>1222460820</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</td> <td>1222442660</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản	1	Công ty Cổ Phần Fincorp	1222460820	2	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222442660	<p>Nhà đầu tư đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ cần nộp tiền vào tài khoản của Quỹ với thông tin chi tiết như sau:</p> <p>- Tên tài khoản: QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM</p> <p>- Số tài khoản: theo danh sách tài khoản của từng Đại lý Phân phối được quy định bên dưới</p> <p>- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Thành</p> <p>- <b>Nội dung đổi với lệnh mua thường:</b> [Họ tên Nhà đầu tư] [Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở] Mua Quỹ PBIF</p> <p>- <b>Nội dung đổi với lệnh mua theo chương trình đầu tư định kỳ:</b> [Họ tên Nhà đầu tư] [Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở] Mua Quỹ PBIF003</p> <p>Nhà đầu tư đặt mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý Phân phối nào thì điền số tài khoản của Đại lý phân phối đó. Danh sách tài khoản của từng Đại lý Phân phối của Quỹ như sau:</p> <table border="1" data-bbox="183 1179 391 1871"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Tên Đại lý Phân phối</th> <th>Số tài khoản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Công ty Cổ Phần Fincorp</td> <td>1222460820</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản	1	Công ty Cổ Phần Fincorp	1222460820	
TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản																
1	Công ty Cổ Phần Fincorp	1222460820																
2	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222442660																
TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản																
1	Công ty Cổ Phần Fincorp	1222460820																



Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p><i>Số lượng Chứng Chi Quỹ được phân phối = Số tiền đăng ký mua (1 – Giá dịch vụ phát hành (%)) / NAV một Đơn Vị Quỹ tại Ngày giao dịch</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Lệnh mua thành công của Nhà Đầu Tư sẽ được thông báo trong vòng ba (03) ngày làm việc sau Ngày Giao Dịch, số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai số thập phân sau dấu phẩy. Số Đơn Vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư.</li> <li>○ Trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ từ chối Lệnh mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi) cho Nhà Đầu Tư hoặc bên chuyển tiền không hợp lệ trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ kỳ giao dịch Chứng chi Quỹ áp dụng. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.</li> <li>○ Trường hợp số tiền mua Quỹ nhận được nhiều hơn lệnh đăng ký mua, số tiền dư nếu không nhận được yêu cầu chuyển trả từ khách hàng sẽ tiếp tục được giữ lại để chờ yêu cầu giao dịch tiếp theo từ khách hàng.</li> <li>○ Trường hợp số tiền mua Quỹ nhận được thấp hơn lệnh đăng ký mua và không nhận được yêu cầu chuyển trả từ khách hàng, số tiền mua sẽ tiếp tục được giữ lại để chờ yêu cầu giao dịch tiếp theo từ khách hàng.</li> </ul> <p><i>Giá trị mua tối thiểu: 1.000.000 VNĐ (một triệu đồng).</i></p>	<p>phạm pháp luật cũng như không vi phạm các điều khoản của các quy định về thuế thu nhập, quy định về AML</p> <p><i>Quy trình xử lý lệnh mua</i></p> <p>Số lượng Chứng Chi Quỹ được phân phối được tính theo công thức sau:</p> <p><i>Số lượng Chứng Chi Quỹ được phân phối = Số tiền đăng ký mua (1 – Giá dịch vụ phát hành (%)) / NAV một Đơn Vị Quỹ tại Ngày giao dịch</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Lệnh mua thành công của Nhà Đầu Tư sẽ được thông báo trong vòng ba (03) ngày làm việc sau Ngày Giao Dịch, số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai số thập phân sau dấu phẩy. Số Đơn Vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư.</li> <li>○ Trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ từ chối Lệnh mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi) cho Nhà Đầu Tư hoặc bên chuyển tiền không hợp lệ trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ kỳ giao dịch Chứng chi Quỹ áp dụng. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.</li> <li>○ Trường hợp số tiền mua Quỹ nhận được nhiều hơn lệnh đăng ký mua, số tiền dư nếu không nhận được yêu cầu chuyển trả từ khách hàng sẽ tiếp tục được giữ lại để chờ yêu cầu giao dịch tiếp theo từ khách hàng.</li> </ul>	

	<p><i>Các trường hợp giao dịch không hợp lệ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Lệnh mua được gửi tới Đại Lý Phân Phối sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh</li> <li>○ Nhà Đầu Tư/Người được ủy quyền hợp pháp thanh toán tiền mua Chứng Chi Quỹ nhưng không ghi Phiếu lệnh mua Chứng Chi Quỹ tại Đại Lý Phân Phối.</li> <li>○ Sau 14 giờ 45 phút ngày làm việc gần nhất trước Ngày Giao dịch Chứng Chi Quỹ (Ngày T-1), Quỹ không nhận được tiền thanh toán của Nhà Đầu Tư.</li> <li>○ Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền mua tối thiểu theo quy định.</li> </ul> <p>Trong trường hợp lệnh mua không hợp lệ, tiền thanh toán chứng chỉ quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ thị chuyển trả vào tài khoản đăng ký của Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch gần nhất trừ trường hợp số tiền này được đầu tư vào kỳ giao dịch tiếp theo của Quỹ và được Công Ty Quản Lý Quỹ xác nhận giữ lại tiền. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không đủ thông tin để xác định được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển vào Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ có đủ bằng chứng để xác định được chính xác thông tin người thụ hưởng. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>○ Trường hợp số tiền mua Quỹ nhận được thấp hơn lệnh đăng ký mua và không nhận được yêu cầu chuyển trả từ khách hàng, số tiền mua sẽ tiếp tục được giữ lại để chờ yêu cầu giao dịch tiếp theo từ khách hàng. <i>Giá trị mua tối thiểu: 1.000.000 VNĐ (một triệu đồng).</i></li> </ul> <p><i>Các trường hợp giao dịch không hợp lệ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Lệnh mua được gửi tới Đại Lý Phân Phối sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh</li> <li>○ Nhà Đầu Tư/Người được ủy quyền hợp pháp thanh toán tiền mua Chứng Chi Quỹ nhưng không ghi Phiếu lệnh mua Chứng Chi Quỹ tại Đại Lý Phân Phối.</li> <li>○ Sau 14 giờ 45 phút ngày làm việc gần nhất trước Ngày Giao dịch Chứng Chi Quỹ (Ngày T-1), Quỹ không nhận được tiền thanh toán của Nhà Đầu Tư.</li> <li>○ Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền mua tối thiểu theo quy định.</li> </ul> <p>Trong trường hợp lệnh mua không hợp lệ, số tiền thanh toán chứng chỉ quỹ sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ chuyển trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ có đủ bằng chứng để xác định và thông báo lệnh mua không hợp lệ; trừ trường hợp Nhà Đầu Tư có yêu cầu khác bằng văn bản hoặc theo thỏa thuận với Công ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Quỹ.</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
<p><b>Điều 3.6 Mục 3, Phần X: Phát hành lần đầu và giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo</b></p>	<p><b>Thực hiện một phần giao dịch, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ :</b></p> <p>a. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chi đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc</li> <li>- Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư dẫn tới Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc</li> <li>- Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do: <ul style="list-style-type: none"> <li>o Tình thanh khoản của thị trường thấp;</li> <li>o Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.</li> </ul> </li> </ul> <p>b. Đối với việc thực hiện một phần lệnh giao dịch theo quy định ở điểm a Khoản 3.6 trên đây, Công Ty Quản</p>	<p><b>Thực hiện một phần giao dịch, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, mức phòng vệ thanh khoản :</b></p> <p>a. Trường hợp Điều lệ quỹ có quy định, công ty quản lý quỹ được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ mở bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ , áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.</p> <p>b. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chi đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng 5% giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc</li> <li>- Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư dẫn tới Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc</li> <li>- Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do: <ul style="list-style-type: none"> <li>o Tình thanh khoản của thị trường thấp;</li> <li>o Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM bị đình</li> </ul> </li> </ul>	<p>Bổ sung thêm thông tin về mức phòng vệ thanh khoản theo quy định mới tại Thông 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>Lý Quý áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ như sau:</p> <p>- Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều này. Số lượng Chứng chỉ Quỹ được mua lại từ Nhà Đầu Tư trong trường hợp này được tính theo công thức sau:</p> $X_i = \frac{SLTT}{\sum SLDK_i} * SLDK_i$ <p>Trong đó:</p> <p><math>X_i</math>: số lượng Chứng chỉ Quỹ thực tế của Nhà Đầu Tư <math>i</math> được thực hiện (hay số lượng Chứng chỉ Quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.</p> <p>SLDK<math>_i</math>: số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đăng ký bán</p> <p>SLTT: tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của Nhà Đầu Tư</p> <p><math>\sum</math> SLDK<math>_i</math>: tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký bán.</p>	<p>c. Đối với việc thực hiện một phần lệnh giao dịch theo quy định ở điểm a Khoản 3.6 trên đây, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ như sau:</p> <p>- Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều này. Số lượng Chứng chỉ Quỹ được mua lại từ Nhà Đầu Tư trong trường hợp này được tính theo công thức sau:</p> $X_i = \frac{SLTT}{\sum SLDK_i} * SLDK_i$ <p>Trong đó:</p> <p><math>X_i</math>: số lượng Chứng chỉ Quỹ thực tế của Nhà Đầu Tư <math>i</math> được thực hiện (hay số lượng Chứng chỉ Quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.</p> <p>SLDK<math>_i</math>: số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đăng ký bán</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ được ưu tiên thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trước các lệnh đặt bán hoặc chuyển đổi mới.</li> <li>- Các thông báo về phần lệnh được thực hiện hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư.</li> <li>c. Chúng chi Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;</li> <li>- Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;</li> <li>- Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.</li> </ul> </li> <li>d. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm c Khoản 3.6 này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SLTT: tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của Nhà Đầu Tư</li> <li>- <math>\Sigma</math>SLDKI: tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ đang ký bán.</li> <li>- Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ được ưu tiên thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trước các lệnh đặt bán hoặc chuyển đổi mới.</li> <li>- Các thông báo về phần lệnh được thực hiện hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư.</li> <li>d. Chúng chi Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;</li> <li>- Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;</li> <li>- Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.</li> </ul> </li> <li>e. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm c Khoản 3.6 này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại</li> </ul>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>e. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.</p> <p>f. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại điểm e Khoản 3.6 này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư.</p>	<p>f. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.</p> <p>g. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại điểm e Khoản 3.6 này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư.</p> <p>h. Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau: - Công ty quản lý quỹ phải xây dựng chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho từng quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với nhà đầu tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
		<p>khoản. Chính sách này phải được Đại hội nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của quỹ.</p> <p>- Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa phải được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối.</p> <p>- Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là 01 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ và thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Nội dung công bố thông tin, thông báo bao gồm nguyên nhân áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, thời điểm áp dụng, mức phòng vệ thanh khoản cụ thể, nguyên tắc xác định giá trị thanh toán cho nhà đầu tư khi áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.</p>	

<p><b>Nội dung sửa đổi</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch mới</b></p>	<p><b>Diễn giải</b></p>
<p><b>Điều 2.1 Mục 2, Phần XI: Tình hình hoạt động của quỹ</b></p>	<p><i>a. Giá dịch vụ phát hành</i></p> <p>Giá dịch vụ phát hành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh mua. Tùy thuộc vào giá trị mua của từng Lệnh mua, hình thức mua, Giá dịch vụ phát hành được tính như sau:</p> <p>Giá dịch vụ phát hành: 0%</p> <p>Giá dịch vụ phát hành các lần tiếp theo có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ nhưng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p>	<p>- Công ty quản lý quỹ phải dùng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ, thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dùng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sự giám của quỹ chấm dứt.</p> <p>- Đại lý phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về việc áp dụng, dùng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của công ty quản lý quỹ.”</p> <p><i>a. Giá dịch vụ phát hành</i></p> <p>Giá dịch vụ phát hành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh mua. Tùy thuộc vào giá trị mua của từng Lệnh mua, hình thức mua, Giá dịch vụ phát hành được tính như sau:</p> <p>Giá dịch vụ phát hành: 0%</p> <p>Giá dịch vụ phát hành các lần tiếp theo có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p>	<p>Cập nhật thời điểm áp dụng giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, chuyển đổi theo quy định mới. Bỏ quy định mức giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ và phí phát khi rời khỏi</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải																								
	<p>Giá dịch vụ phát hành sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> <p><i>b. Giá dịch vụ mua lại</i></p> <p>Giá dịch vụ mua lại là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi bán một Đơn vị Quỹ tại mỗi kỳ giao dịch tiếp theo, sau khi Quỹ Đầu tư Căn bản PVCOM được thành lập. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho Nhà Đầu Tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.</p> <table border="1" data-bbox="343 453 837 1031"> <thead> <tr> <th>Thời gian nắm giữ chứng chỉ Quỹ</th> <th>Giá dịch vụ mua lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 1 đến 183 ngày</td> <td>2%</td> </tr> <tr> <td>Từ 184 đến 270 ngày</td> <td>1,5%</td> </tr> <tr> <td>Từ 271 ngày đến 365 ngày</td> <td>1%</td> </tr> <tr> <td>Từ 366 ngày đến 540 ngày</td> <td>0,5%</td> </tr> <tr> <td>Từ 541 ngày trở đi</td> <td>0%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Giá dịch vụ mua lại có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá ba phần trăm</p>	Thời gian nắm giữ chứng chỉ Quỹ	Giá dịch vụ mua lại	Từ 1 đến 183 ngày	2%	Từ 184 đến 270 ngày	1,5%	Từ 271 ngày đến 365 ngày	1%	Từ 366 ngày đến 540 ngày	0,5%	Từ 541 ngày trở đi	0%	<p>Giá dịch vụ phát hành sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> <p><i>b. Giá dịch vụ mua lại</i></p> <p>Giá dịch vụ mua lại là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi bán một Đơn vị Quỹ tại mỗi kỳ giao dịch tiếp theo, sau khi Quỹ Đầu tư Căn bản PVCOM được thành lập. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho Nhà Đầu Tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.</p> <table border="1" data-bbox="422 1190 837 1803"> <thead> <tr> <th>Thời gian nắm giữ chứng chỉ Quỹ</th> <th>Giá dịch vụ mua lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 1 đến 183 ngày</td> <td>2%</td> </tr> <tr> <td>Từ 184 đến 270 ngày</td> <td>1,5%</td> </tr> <tr> <td>Từ 271 ngày đến 365 ngày</td> <td>1%</td> </tr> <tr> <td>Từ 366 ngày đến 540 ngày</td> <td>0,5%</td> </tr> <tr> <td>Từ 541 ngày trở đi</td> <td>0%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Giá dịch vụ mua lại có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là ba mươi ngày (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ.</p>	Thời gian nắm giữ chứng chỉ Quỹ	Giá dịch vụ mua lại	Từ 1 đến 183 ngày	2%	Từ 184 đến 270 ngày	1,5%	Từ 271 ngày đến 365 ngày	1%	Từ 366 ngày đến 540 ngày	0,5%	Từ 541 ngày trở đi	0%	<p>chương trình tối đa.  Đòng thời bổ sung quy định: Công Ty Quản Lý Quỹ có thể xem xét việc hoàn/miễn Giá dịch vụ mua lại cho Nhà Đầu Tư tùy theo chương trình, chính sách tại từng thời điểm cụ thể</p>
Thời gian nắm giữ chứng chỉ Quỹ	Giá dịch vụ mua lại																										
Từ 1 đến 183 ngày	2%																										
Từ 184 đến 270 ngày	1,5%																										
Từ 271 ngày đến 365 ngày	1%																										
Từ 366 ngày đến 540 ngày	0,5%																										
Từ 541 ngày trở đi	0%																										
Thời gian nắm giữ chứng chỉ Quỹ	Giá dịch vụ mua lại																										
Từ 1 đến 183 ngày	2%																										
Từ 184 đến 270 ngày	1,5%																										
Từ 271 ngày đến 365 ngày	1%																										
Từ 366 ngày đến 540 ngày	0,5%																										
Từ 541 ngày trở đi	0%																										

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>(3%) giá trị bán thực hiện được. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sáu mươi ngày (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>Thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ được xác định theo nguyên tắc “mua trước bán trước”.</p> <p>Giá dịch vụ mua lại sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> <p>c. <i>Giá dịch vụ chuyển đổi:</i> Nhà Đầu Tư phải trả Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch sau khi Quỹ Dầu tư Căn bằng PVCOM được thành lập.</p> <p>Nhà Đầu Tư không phải trả Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Do vậy, Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ được áp dụng một lần trên giá trị chuyển đổi.</p> <p>- Giá dịch vụ chuyển đổi là 200.000 VND /giao dịch</p> <p>Giá dịch vụ chuyển đổi có thể thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị chuyển đổi thực hiện được.</p>	<p>Thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ được xác định theo nguyên tắc “mua trước bán trước”.</p> <p>Giá dịch vụ mua lại sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể xem xét việc hoãn/miễn Giá dịch vụ mua lại cho Nhà Đầu Tư tùy theo chương trình, chính sách tại từng thời điểm cụ thể.</p> <p>c. <i>Giá dịch vụ chuyển đổi:</i></p> <p>Nhà Đầu Tư phải trả Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch sau khi Quỹ Dầu tư Căn bằng PVCOM được thành lập.</p> <p>Nhà Đầu Tư không phải trả Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Do vậy, Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ được áp dụng một lần trên giá trị chuyển đổi.</p> <p>- Giá dịch vụ chuyển đổi là 200.000 VND /giao dịch</p> <p>Giá dịch vụ chuyển đổi có thể thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ.</p> <p>Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>Các khoản thuế giao dịch, giá dịch vụ chuyển tiền ngân hàng (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ Lệnh bán trong Lệnh Chuyển đổi. Thời gian nắm giữ Đơn vị Quỹ của quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh Chuyển đổi quỹ được thực hiện.</p> <p>Giá dịch vụ chuyển đổi sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> <p><i>d. Giá dịch vụ chuyển nhượng</i></p> <p>Nhà Đầu Tư phải trả một mức Giá dịch vụ chuyển nhượng duy nhất là ba trăm nghìn (300.000) đồng cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Chứng Chi Quỹ. Giá dịch vụ chuyển nhượng do bên chuyển nhượng thanh toán.</p> <p>Giá dịch vụ chuyển nhượng sẽ không áp dụng trong trường hợp Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển nhượng số Chứng Chi Quỹ từ tài khoản này sang tài khoản khác cùng đứng tên Nhà Đầu Tư tại hai Đại Lý Phân Phối khác nhau.</p> <p>Giá dịch vụ chuyển nhượng sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp</p>	<p>công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>Các khoản thuế giao dịch, giá dịch vụ chuyển tiền ngân hàng (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ Lệnh bán trong Lệnh Chuyển đổi. Thời gian nắm giữ Đơn vị Quỹ của quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh Chuyển đổi quỹ được thực hiện.</p> <p>Giá dịch vụ chuyển đổi sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> <p><i>d. Giá dịch vụ chuyển nhượng</i></p> <p>Nhà Đầu Tư phải trả một mức Giá dịch vụ chuyển nhượng duy nhất là ba trăm nghìn (300.000) đồng cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Chứng Chi Quỹ. Giá dịch vụ chuyển nhượng do bên chuyển nhượng thanh toán.</p> <p>Giá dịch vụ chuyển nhượng sẽ không áp dụng trong trường hợp Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển nhượng số Chứng Chi Quỹ từ tài khoản này sang tài khoản khác cùng đứng tên Nhà Đầu Tư tại hai Đại Lý Phân Phối khác nhau.</p> <p>Giá dịch vụ chuyển nhượng sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> <p><i>e. Giá dịch vụ phát hành khi tham gia Chương trình đầu tư định kỳ</i></p>	



Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> <p>e. <i>Giá dịch vụ phát hành khi tham gia Chương trình đầu tư định kỳ</i></p> <p>Là số tiền dịch vụ áp dụng khi Nhà Đầu Tư mua các đơn vị quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ.</p> <p>Giá dịch vụ phát hành khi chương trình đầu tư định kỳ: 0%</p> <p>Phí phạt khi rời chương trình: 0% ngoài giá dịch vụ mua lại và giá dịch vụ chuyển đổi thông thường.</p> <p>Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ và phí phạt khi rời khỏi chương trình có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch khi tham gia chương trình và ba phần trăm (3%) giá trị bán thực hiện khi rời khỏi chương trình.</p>	<p>Là số tiền dịch vụ áp dụng khi Nhà Đầu Tư mua các đơn vị quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ.</p> <p>Giá dịch vụ phát hành khi chương trình đầu tư định kỳ: 0%</p> <p>Phí phạt khi rời chương trình: 0% ngoài giá dịch vụ mua lại và giá dịch vụ chuyển đổi thông thường.</p> <p>Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ và phí phạt khi rời khỏi chương trình có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ.</p>	
<p><b>Điều 2.1 Mục 2</b></p> <p><b>Phụ Lục 2. Quy trình và hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ</b></p>	<p><b>Bước 3:</b> Nộp tiền mua chứng chỉ quỹ</p> <p>Nhà đầu tư đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ cần nộp tiền vào tài khoản của Quỹ với thông tin chi tiết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên tài khoản: QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM</li> <li>- Số tài khoản: theo danh sách tài khoản của từng Đại Lý Phân phối được quy định bên dưới</li> </ul>	<p><b>Bước 3:</b> Nộp tiền mua chứng chỉ quỹ</p> <p>Nhà đầu tư đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ cần nộp tiền vào tài khoản của Quỹ với thông tin chi tiết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên tài khoản: QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM</li> <li>- Số tài khoản: theo danh sách tài khoản của từng Đại Lý Phân phối được quy định bên dưới</li> </ul>	<p>Sửa đổi nội dung đối với lệnh mua theo chương trình đầu tư định kỳ, tên và số tài khoản của DLPP.</p>

<p><b>Nội dung sửa đổi</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</b></p> <p>- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Thành</p> <p>- <b>Nội dung đối với lệnh mua thương:</b> [Ho ten nha dau tu]_[Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở] Mua Quỹ PBIF</p> <p>- <b>Nội dung đối với lệnh mua theo chương trình đầu tư định kỳ:</b> [Ho ten nha dau tu]_[Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở] Mua Quỹ PBIFS002</p> <p>Nhà đầu tư đặt mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý Phân phối nào thì điền số tài khoản của Đại lý phân phối đó. Danh sách tài khoản của từng DLPP của Quỹ Đầu tư Căn bằng PVCOM như sau:</p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch mới</b></p> <p>- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Thành</p> <p>- <b>Nội dung đối với lệnh mua thương:</b> [Ho ten nha dau tu]_[Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở] Mua Quỹ PBIF</p> <p>- <b>Nội dung đối với lệnh mua theo chương trình đầu tư định kỳ:</b> [Ho ten nha dau tu]_[Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở] Mua Quỹ PBIFS003</p> <p>Nhà đầu tư đặt mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý Phân phối nào thì điền số tài khoản của Đại lý phân phối đó. Danh sách tài khoản của từng DLPP của Quỹ Đầu tư Căn bằng PVCOM như sau:</p>	<p><b>Diễn giải</b></p>																														
<p><b>Mục 4 A Phụ lục 3 : phương pháp</b></p>	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ST T</th> <th>Loại tài sản</th> <th>Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</td> <td>1222442660</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Công ty Cổ phần FINCORP</td> <td>1222460820</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng khoán VINA</td> <td>8600038996</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	ST T	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường	1	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222442660	2	Công ty Cổ phần FINCORP	1222460820	3	Công ty Cổ phần Chứng khoán VINA	8600038996	4	Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)		<table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Tên Đại lý Phân phối</th> <th>Số tài khoản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</td> <td>1222442660</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Công ty Cổ phần FINCORP</td> <td>1222460820</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng khoán FINHAY</td> <td>8600038996</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)</td> <td>8630073772</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản	1	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222442660	2	Công ty Cổ phần FINCORP	1222460820	3	Công ty Cổ phần Chứng khoán FINHAY	8600038996	4	Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)	8630073772	<p>Cập nhật phương pháp định giá theo số tay định giá</p>
ST T	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường																															
1	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222442660																															
2	Công ty Cổ phần FINCORP	1222460820																															
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán VINA	8600038996																															
4	Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)																																
TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản																															
1	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222442660																															
2	Công ty Cổ phần FINCORP	1222460820																															
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán FINHAY	8600038996																															
4	Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)	8630073772																															

<p><b>Nội dung sửa đổi</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</b></p>	<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch mới</b></p>	<p><b>Diễn giải</b></p>																														
<p><b>Xác định giá trị tài sản ròng</b></p>	<p><b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b></p> <table border="1"> <tr> <td data-bbox="1173 396 1369 703">1</td> <td data-bbox="1173 703 1369 1145">Tiền (VND)</td> <td data-bbox="981 396 1173 703">Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày định giá</td> </tr> <tr> <td data-bbox="837 396 1173 703">2</td> <td data-bbox="837 703 1173 1145">Ngoại tệ</td> <td data-bbox="646 396 837 1145">Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="694 396 837 703">3</td> <td data-bbox="694 703 837 1145">Tiền gửi không kỳ hạn</td> <td data-bbox="502 396 694 1145">Tổng số dư tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước Ngày định giá</td> </tr> <tr> <td data-bbox="391 396 694 703">4</td> <td data-bbox="391 703 694 1145">Tiền gửi kỳ hạn</td> <td data-bbox="199 396 391 1145">Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá</td> </tr> <tr> <td data-bbox="167 396 391 703">5</td> <td data-bbox="167 703 391 1145">Tín phiếu kho bạc, hối phiếu Ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu</td> <td data-bbox="167 1145 391 1916"> <p>- <i>Đối với công cụ thị trường tiền tệ niêm yết:</i></p> <p>+ Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán HSX, HNX tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.</p> <p>+ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày định giá, giá</p> </td> </tr> </table>	1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày định giá	2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.	3	Tiền gửi không kỳ hạn	Tổng số dư tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước Ngày định giá	4	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá	5	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu Ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	<p>- <i>Đối với công cụ thị trường tiền tệ niêm yết:</i></p> <p>+ Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán HSX, HNX tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.</p> <p>+ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày định giá, giá</p>	<p><b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b></p> <table border="1"> <tr> <td data-bbox="981 1145 1369 1451">1</td> <td data-bbox="981 1451 1369 1916">Tiền (VND)</td> <td data-bbox="790 1145 981 1451">Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="837 1145 981 1451">2</td> <td data-bbox="837 1451 981 1916">Ngoại tệ</td> <td data-bbox="646 1145 837 1916">Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="694 1145 837 1451">3</td> <td data-bbox="694 1451 837 1916">Tiền gửi kỳ hạn</td> <td data-bbox="502 1145 694 1916">Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="391 1145 694 1451">4</td> <td data-bbox="391 1451 694 1916">Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác</td> <td data-bbox="199 1145 391 1916">Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="167 1145 391 1451">5</td> <td data-bbox="167 1451 391 1916">Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác</td> <td data-bbox="167 1916 391 2190">Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung đầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ</td> </tr> </table>	1	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.	2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.	3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.	4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.	5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung đầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ	<p>mới của quỹ và phù hợp với Thông 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025</p>
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày định giá																															
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.																															
3	Tiền gửi không kỳ hạn	Tổng số dư tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước Ngày định giá																															
4	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá																															
5	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu Ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	<p>- <i>Đối với công cụ thị trường tiền tệ niêm yết:</i></p> <p>+ Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán HSX, HNX tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.</p> <p>+ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày định giá, giá</p>																															
1	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.																															
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.																															
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.																															
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.																															
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung đầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ																															

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải						
	<p>được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giá mua công lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá;</li> <li>• Theo phương pháp do Ban đại diện quỹ quyết định.</li> </ul> <p>- Đối với công cụ thị trường tiền tệ chưa niêm yết, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá mua công với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá;</li> <li>+ Theo phương pháp do Ban đại diện quỹ quyết định.</li> </ul>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1281 1138 1374 1437"></td> <td data-bbox="1281 1437 1374 1868">quy định và thời gian nắm giữ công cụ.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1209 1138 1281 1437"><b>Trái phiếu</b></td> <td data-bbox="1209 1437 1281 1868"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="193 1138 1209 1437">6 Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, Trái phiếu hủy niêm yết</td> <td data-bbox="193 1437 1209 1868"> <p>Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá công lãi lũy kế;</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc giá thị trường có biến động bất thường (*), thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Mệnh giá công lãi lũy kế; hoặc</li> <li>• Giá mua công lãi lũy kế; hoặc</li> <li>• Giá xác định theo Phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận</li> </ul> <p>Ghi chú:</p> <p>(*) Giá thị trường có biến động bất thường được hiểu là giá trái phiếu của kỳ định giá có biến động tăng/giảm từ 3% trở</p> </td> </tr> </table>		quy định và thời gian nắm giữ công cụ.	<b>Trái phiếu</b>		6 Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, Trái phiếu hủy niêm yết	<p>Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá công lãi lũy kế;</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc giá thị trường có biến động bất thường (*), thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Mệnh giá công lãi lũy kế; hoặc</li> <li>• Giá mua công lãi lũy kế; hoặc</li> <li>• Giá xác định theo Phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận</li> </ul> <p>Ghi chú:</p> <p>(*) Giá thị trường có biến động bất thường được hiểu là giá trái phiếu của kỳ định giá có biến động tăng/giảm từ 3% trở</p>	
	quy định và thời gian nắm giữ công cụ.								
<b>Trái phiếu</b>									
6 Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, Trái phiếu hủy niêm yết	<p>Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá công lãi lũy kế;</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc giá thị trường có biến động bất thường (*), thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Mệnh giá công lãi lũy kế; hoặc</li> <li>• Giá mua công lãi lũy kế; hoặc</li> <li>• Giá xác định theo Phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận</li> </ul> <p>Ghi chú:</p> <p>(*) Giá thị trường có biến động bất thường được hiểu là giá trái phiếu của kỳ định giá có biến động tăng/giảm từ 3% trở</p>								

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải			
	<p>ngày định giá cộng lãi lũy kế, nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế.</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo Phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận</li> </ul> <p><u>Ghi chú:</u></p> <p>(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là trung bình cộng của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.</p> <p>- Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu:</p> <p>Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định</p>	<p>lên (<math>\geq 3\%</math>) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất.</p> <p>- Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu:</p> <p>Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu doanh nghiệp niêm yết như trên.</p> <p>Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.</p> <table border="1" data-bbox="220 1181 783 1900"> <tr> <td data-bbox="783 1181 1369 1469">7</td> <td data-bbox="783 1469 1369 1900">Trái phiếu không niêm yết</td> <td data-bbox="220 1469 783 1900"> <p>Giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá;</li> <li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế;</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul> </td> </tr> </table> <p><b>Cổ phiếu</b></p>	7	Trái phiếu không niêm yết	<p>Giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá;</li> <li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế;</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul>	
7	Trái phiếu không niêm yết	<p>Giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá;</li> <li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế;</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul>				

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ		Quy định trong Bản cáo bạch mới		Diễn giải	
		<p>theo cơ sở giá trái phiếu doanh nghiệp niêm yết như trên.            Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cỏ phiếu.</p>	8	<p>Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết</p>	<p>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;            - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:            + Giá mua;            + Giá trị sổ sách;</p>	
	7	<p>Trái phiếu không niêm yết</p> <p>- Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá công lai suất cuốn phiếu tính tới ngày trước ngày định giá;            - Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:            + Giá mua công lai lũy kế;            + Mệnh giá công lai lũy kế.            + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận</p> <p><u>Ghi chú:</u>            (*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử</p>	9	<p>Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ</p>	<p>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;            - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:            + Giá mua;            + Giá trị sổ sách;</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ		Quy định trong Bản cáo bạch mới		Diễn giải
	<p>chức đăng ký giao dịch</p>	<p><i>đúng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.</i></p> <p>- Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu không niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.</p>	<p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>		
<p>8</p> <p>Trái phiếu hủy niêm yết</p>					<p>Đối với trái phiếu chờ đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện để niêm yết thì Giá trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p>
<p>9</p> <p>Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, và cổ phiếu của Công ty đại</p>	<p>Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán</p>	<p>- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <p>+ Giá mua;</p>	<p>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <p>+ Giá mua;</p> <p>+ Giá trị sổ sách;</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>		
<p><b>Cổ phiếu</b></p>					<p>- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <p>+ Giá mua;</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ		Quy định trong Bản cáo bạch mới		Diễn giải			
	<p>chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom</p>	<p>+ Giá trị sổ sách; + Theo phương pháp đã được Ban đại diện chấp thuận</p>	10	<p>Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch</p>	<p>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba (03) tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá</p> <p>- Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <p>+ Giá trung bình từ các báo giá (nếu có từ hai tổ chức báo giá cung cấp);</p> <p>+ Nếu không có đủ hai báo giá: Giá đã được xác định từ kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến Ngày định giá;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giá mua;</li> <li>• Giá theo phương pháp giá trị sổ sách.</li> <li>• Giá xác định theo phương pháp đã được</li> </ul>			
	12	<p>Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản</p>		13	<p>Cổ phần, phần vốn góp khác</p>	<p>Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc</p> <p>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <p>+ Giá mua/giá trị vốn góp;</p> <p>+ Giá trị sổ sách;</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	
	<p><b>Chứng chỉ quỹ</b></p>		14	<p>Chứng chỉ quỹ đại diện chung niên yết</p>	<p>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của</p>			



Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ		Quy định trong Bản cáo bạch mới		Diễn giải
		Ban đại diện quỹ chấp thuận			
11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá đóng cửa gần nhất (nhưng không quá 03 tháng) tính đến Ngày định giá</li> <li>+ Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất (nhưng không quá 06 tháng) tính đến Ngày định giá;</li> <li>+ Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul>	<p>ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul>		
12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá</li> <li>+ Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận</li> </ul>	<p>Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá.</p>		
13	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá mua/giá trị vốn góp;</li> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> </ul>	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá mua; hoặc</li> </ul>		
15	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết				
16	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán				

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
<p>14 Quyền mua cổ phiếu</p>	<p>+ Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận</p> <p>Giá trị quyền mua = <math>\text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{giá phát hành quyền mua}) \times \text{tỷ lệ chuyển đổi}\}</math></p> <p>Giá cổ phiếu được xác định như các tiêu chí của mục 8,9,10,11,12 ở trên.</p>	<p>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	
<p><b>Các tài sản khác</b></p>	<p>15 Các tài sản được phép đầu tư khác</p> <p>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.</p>	<p><b>Chứng khoán phái sinh</b></p> <p>17 Chứng khoán phái sinh niêm yết</p> <p>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đảo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p>	
	<p>18 Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15</p> <p>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>		

<p><b>Nội dung sửa đổi</b></p>		<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</b></p>										
<p><b>Quy định trong Bản cáo bạch mới</b></p>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1268 1156 1364 1462"> <p>ngày tính đến ngày định giá</p> </td> <td data-bbox="1268 1462 1364 1916"></td> </tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="1204 1156 1268 1916"> <p><b>Chứng quyền có bảo đảm</b></p> </td> </tr> <tr> <td data-bbox="598 1156 1204 1462"> <p>19 Chứng quyền có bảo đảm niên yết trên Sở giao dịch chứng khoán</p> </td> <td data-bbox="598 1462 1204 1916"> <p>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p> </td> </tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="534 1156 598 1916"> <p><b>Các tài sản khác</b></p> </td> </tr> <tr> <td data-bbox="279 1156 534 1462"> <p>20 Quyền mua cổ phiếu</p> </td> <td data-bbox="279 1462 534 1916"> <p>Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.</p> </td> </tr> </table>	<p>ngày tính đến ngày định giá</p>		<p><b>Chứng quyền có bảo đảm</b></p>		<p>19 Chứng quyền có bảo đảm niên yết trên Sở giao dịch chứng khoán</p>	<p>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>	<p><b>Các tài sản khác</b></p>		<p>20 Quyền mua cổ phiếu</p>	<p>Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.</p>	
<p>ngày tính đến ngày định giá</p>												
<p><b>Chứng quyền có bảo đảm</b></p>												
<p>19 Chứng quyền có bảo đảm niên yết trên Sở giao dịch chứng khoán</p>	<p>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>											
<p><b>Các tài sản khác</b></p>												
<p>20 Quyền mua cổ phiếu</p>	<p>Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.</p>											
<p><b>Diễn giải</b></p>												



ĐƠN QUẢN LÝ



TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÀ NỘI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

ĐƠN QUẢN LÝ  
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

ĐƠN QUẢN LÝ CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ  
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

STT	MÔ TẢ CÔNG VIỆC	THỜI GIAN	ĐƠN VỊ	CHỮ KÝ
01	Đảm bảo an ninh trật tự trường học	01 năm	Ban Giám Hiệu	
02	Giữ gìn vệ sinh trường học	01 năm	Ban Giám Hiệu	
03	Đảm bảo an toàn giao thông	01 năm	Ban Giám Hiệu	